

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2026/HS-ST**

Ngày: 22/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thoa

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Tươi

2. Ông Ngô Rạng Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trần Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày **22** tháng **01** năm **2026** tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 113/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025, theo định đưa ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HS ngày 22/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987

Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Tại: U, tỉnh Cà Mau.

Số chứng minh nhân dân: 381524476 cấp ngày 15/4/2007

Nơi ĐKTT: Ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Buôn bán

Cha: Trần Văn K, sinh năm 1969, còn sống.

Mẹ: Trần Thị D1, sinh năm 1969, còn sống.

Anh chị em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất SN 1999. Chồng: Trịnh Bé N, sinh năm 1984.

Con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2023).

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Về nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt 04 tháng 17 ngày tù về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 09/2016/HS-ST ngày 25/5/2016, đã được xoá án tích.

Ngày 25/12/2014, thực hiện hành vi: “Trộm cắp tài sản” đến ngày 13/7/2016 bị khởi tố, truy nã.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau.

Tạm giữ, tạm giam: Không

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Ngọc T – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A bào chữa cho bị cáo.

Địa chỉ: 1 đường T, khóm E, phường M (nay là phường L), tỉnh An Giang.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Thí N1, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng tháng 09/2014, Trần Thị D cùng với chồng là Trịnh Bé N đến P thuê phòng trọ số 01 nhà trọ của ông Trần Văn N2 tại khu phố H, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố H D, đặc khu P, tỉnh An Giang) để ở và làm thuê. Đến khoảng tháng 12/2014, D làm thuê tại quán cơm “N” tại khu phố G, thị trấn D, huyện P (nay là khu phố G, đặc khu P) do ông Nguyễn Thí N1 làm chủ. Trong thời gian làm thuê cho ông N1 thì D và ông N1 phát sinh tình cảm nam nữ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 25/12/2014, D nằm ngủ tại phòng trọ của mình, sau khi thức dậy thấy nhiều cuộc gọi nhỡ của ông N1, nên D gọi điện thoại lại cho ông N1 để hỏi có chuyện gì không, thì ông N1 nói muốn chờ D đi chơi, D đồng ý và kêu ông N1 đến phòng trọ rước D, lúc này ông N đang đi làm thuê không có ở phòng trọ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi ông N1 đến phòng trọ, D kêu ông N1 vào ngồi trong phòng đợi D đi rửa mặt và đi tắm. D đi vào phòng tắm, còn ông N1 thì ngồi ở trên giường, cửa phòng tắm khép hờ. Khi D cởi áo ra để tắm thì ông N1 cũng cởi hết quần áo để trên giường, rồi đi vào phòng tắm nói chuyện với D. Lúc này, ông N đi về đến phòng trọ nhìn thấy D và ông N1 trong phòng tắm thì ông N hỏi: "Tại sao mày ở trong phòng với vợ tao". Sau đó D bỏ chạy ra ngoài, còn ông N chạy vô phòng tắm cự cãi với ông N1. Khi D lấy áo của mình mặc vào thì thấy quần áo của ông N1 đang để trên giường ngủ nên D lấy quần áo để đưa cho ông N1 mặc, khi lấy quần áo của ông N1 thì cái điện thoại di động hiệu Samsung của ông N1 trong quần rơi xuống, thấy vậy nên D nhặt điện thoại để lên nóc màn ngủ. Diểm thấy trong túi quần của ông N1 có tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông N1. Diểm ôm quần áo của ông N1 đi ra cửa phòng đứng quay lưng lại với ông N1, rồi D lén lút lấy số tiền 12.860.000 đồng và 21 USD trong túi quần của ông N1 bỏ vào túi áo của D, rồi vút bỏ quần áo của ông N1 ra phía

trước cửa và chạy ra ngoài đường. Lúc này ông N1 thấy có nhiều người đến xem, xấu hổ nên ông N1 lấy cái khăn quần vào người và bỏ chạy ra ngoài, ông N1 thấy quần áo của mình bị vút bỏ gần phòng trọ nên lấy mặc vào, phát hiện đã bị mất số tiền 12.860.000 đồng và 21 USD, còn điện thoại thì ông N1 lấy lại được, sau đó ông N1 đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Sau khi lấy trộm tiền, D tiêu xài cá nhân hết số tiền 12.860.000 đồng, còn 21 USD Diễm làm rơi mất. Đến ngày 13/7/2016, Trần Thị D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố, truy nã. Đến ngày 17/7/2025 D đến Công an xã S, tỉnh Cà Mau đầu thú và bị cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Tiền Việt Nam 14.000.000 đồng do Trần Thị D giao nộp.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- **Tại bản trạng số:** 29/CT-VKSKV2 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- **Tại phiên tòa** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Trần Thị D 36 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại Nguyễn Thí N1 số tiền 14.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thí N1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đối với bản Cáo trạng và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời không tranh luận gì đối với Kiểm sát viên và đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị D về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017, thống nhất quan điểm với VKS về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức án đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại quan điều tra là khi bị cáo bị chồng nhìn thấy đang ở nhà tắm cùng với bị hại nên đã chạy ra ngoài, khi lấy quần áo đưa cho bị hại thì phát hiện trong túi có tiền, điện thoại nên đã bị cáo đã lấy trộm được 12.860.000 đồng và 21 USD, còn điện thoại bỏ nên nóc màn ngủ và bỏ trốn.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị D, do có nhu cầu tiêu xài cá nhân nên khi nhìn thấy quần áo của bị hại để ở giường, mục đích là lấy để đưa cho bị hại mặc nhưng khi thấy có tiền nên đã nảy sinh ý định lấy trộm nên bị cáo đã lấy tiền, còn điện thoại bỏ trên nóc màn ngủ, bỏ quần áo của bị hại ở ngoài và bỏ trốn nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017), có điều khoản và khung hình phạt là như nhau. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, điều khoản có mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo lấy trộm tài sản của người khác mục đích là để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là cố ý xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm nên cần xử nghiêm bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên về nhân thân bị cáo vào ngày 02/02/2014 bị cáo dùng thủ đoạn là tình cảm với ông L và đã lấy trộm của ông L 05 chỉ vàng sau đó bỏ địa phương đi và bị Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử vào tháng 5/2016 đã được xoá án tích; Cũng thủ đoạn này vào ngày 25/12/2014 bị cáo

dùng tình cảm với ông N1 và trộm tiền của ông N1 sau đó bỏ trốn và bị truy nã, chỉ trong vòng chưa được một năm mà bị cáo thực hiện hành vi trộm 02 lần cho thấy bị cáo sống cần phải tôn trọng người khác không nên lợi dụng tình cảm của người khác để chiếm đoạt tài sản, điều này không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà còn xâm hại nghiêm trọng đến nhân phẩm và niềm tin của bị cáo. Bị cáo phạm tội xong, bỏ trốn, bị truy nã đã gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo và gia đình không ai được tặng thưởng huân, huy chương. Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 14.000.000 đồng, riêng cái điện thoại thì bị hại đã tìm lại được ngay sau đó, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo bị truy nã nên đã ra đầu thú nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự thì yêu cầu giải quyết theo pháp luật, nên HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt khi lượng hình cho bị cáo. Đối với bị cáo hiện nay đang nuôi con nhỏ; bị cáo có nơi cư trú ổn định, trong suốt thời gian từ khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 09/2016/HS-ST ngày 25/5/2016 thì bị cáo không phạm tội mới, không vi phạm pháp luật ở địa phương. Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ nghiêm, đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Do bị cáo đi làm thuê, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ nhà nước, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình để giám sát giáo dục.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị trộm cắp là 14.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự bị cáo đã thi hành xong.

[6]. Đối với ông Trịnh Bé N không biết bị cáo trộm cắp tài sản của ông N1 nên không xem xét.

[7]. Về quan điểm của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Trần Thị D: 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được bản án, quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 BLHS do không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thi hành xong số tiền 14.000.000 đồng cho người bị hại.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Thị D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Phân trại tạm giam Phú Quốc;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ C.an tỉnh AG;
- Phòng THADS khu vực 2 - An Giang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Thoa